Đọc *Tập san nghiên cứu Việt học (Cahiers d'études vietnamiennes)* số 17/2004

NGUYỄN VĂN HOÀNG

Trong ***Tập san nghiên cứu Việt học*** (***Cahiers d'études vietnamiennes***) số 17/2004, Ban Việt học, Khoa Ngôn ngữ và văn minh Đông Á, có 8 bài viết về các lĩnh vực: văn minh, kinh tế, ngôn ngữ, văn học...

Trước hết liên quan đến **văn minh** (civilisation), bài của Philippe LANGLET, *Tầm quan trọng và quê quán của những nhà khoa bảng ở sáu tỉnh Nam bộ* (1813 – 1864) (*Importance et origines locales des lauréats des concours impériaux dans les six provinces du Sud* (1813 – 1864)), dựa vào tư liệu Việt Nam như ***Quốc triều hương khoa lục***, 1893; ***Quốc triều đăng khoa lục***, 1894 của Cao Xuân Dục; *Đại Nam hội điển sự lệ*, 1855; ***Đại Nam nhất thống chí***, 1860; ***Đại Nam thực lục chính biên***, 1848-1888; ***Đồng Khánh địa dư chí***, 1886-1888, của Quốc Sử Quán, và một số tư liệu của Pháp ở thế kỷ 19, giới thiệu các nho sĩ Nam Kỳ lục tỉnh đỗ Tú tài, Cử nhân dưới triều Nguyễn theo từng địa phương có liên hệ đến nhiều yếu tố địa lý, kinh tế và xã hội.

Về **kinh tế**, NGUYỄN Đức Nhuận, với bài *Việt Nam và bước ngoặt đô thị: phát triển đô thị và dân nhập cư* (Le Vietnam et le tournant urbain: métropolitisation

et cosmopolitisation). "Đổi mới đô thị" từ 1989 là một hiện tượng đáng kể, mang lại nhiều biến đổi quan trọng về xã hội, kinh tế và chính trị. Nếu như giai đoạn 1976-1989, dân số thành thị giảm sút, thì trái lại trong 10 năm 1989-1999, dân số 5 thành phố lớn của Việt Nam lại tăng lên gấp đôi. Các đô thị lớn phát triển nhanh, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, và kéo theo nhiều vấn đề nan giải của một xã hội còn nghèo: việc làm, nhà ở, cơ sở hạ tầng đô thị, y tế và giáo dục, v. v. cũng như tạo cơ hội cho nhiều nhân tố mới trong thẩm định, thiết kế, tài chính, thực hiện và kiểm tra các chính sách công về đô thị vốn trước đây thuộc độc quyền của nhà nước.

Về **văn học**, có bài *Truyện giả tưởng, nơi gặp gỡ giữa phương Tây và phương Đông* (*Le conte, lieu de recontre de l'Occident et de l'Orient*) của Lamoureux – Phạm Thị Kim Dung đề cập đến truyện *La Belle et la Bête* (Giai nhân và ác thú) của Pháp và truyện *L'Epoux-serpent* (Chang rắn) của dân tộc Giarai ở tỉnh Đắc Lắc, Việt Nam, mặc dù cách xa nhau về mặt địa lý và văn hóa cũng như những giá trị riêng làm nên truyện giả tưởng, hai truyện này lại gặp nhau trong vô thức chung của bộ tộc tạo nên điều kỳ diệu và hư ảo từ cuộc sống tâm linh của mỗi cộng đồng.

Phạm Đán Bình, từ báo cáo của mình ở hội thảo khoa ***học Les rencontres Auguste PAVIE: Cambodge, Laos, Vietnam*** tổ chức trong hai ngày 19 và 30 tháng 6 năm 2002 tại Dinan nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Auguste Pavie, trình bày lại những điểm chủ yếu trong bài viết *Tản Đà (1888-1939), thi sĩ của non và nước* (*Tản Đà (1888-1939), poète de l'alliance des monts et des eaux*). Qua đó tác giả cho thấy Tản Đà, bằng bút hiệu, bằng nhãn quan đa văn hoá và bằng thơ văn của mình, luôn khẳng định tình yêu bất diệt đối với quê hương đang thăng trầm và mở hướng ra thế giới bên ngoài trong sự đa dạng. Điều đặc biệt là có sự tương phùng giữa nhà thơ yêu nước Tản Đà và nhà thám hiểm Auguste Pavie: cả hai đều lấy núi sông làm cảm hứng văn chương.

Về **ngôn ngữ**, có đến 3 bài: *Bình diện hình thái học của tiếng Việt* (*Aspect de morphologie vietnamienne*) của Nguyễn Phú Phong, *Trọng âm trong tiếng Việt: nghiên cứu về mặt lý thuyết âm vị-cú pháp* (*L'accentuation en vietnamien: étude phonosyntaxique théorique*) của Nicolas Landry, và *Về cực cấp trong tiếng Việt* (*Du superlative en vietnamien*) của Marina Prévot.

Nguyễn Phú Phong trao đổi về các loại từ láy và tiếp tố để phân biệt hai cách tạo từ trong tiếng Việt. Phần lớn bài viết dành để xem xét từ láy trên các bình diện tương phản khác nhau: thay đổi thanh / biến đổi âm đoạn, đơn / phức, từ vựng / ngữ pháp. Từ đó, tác giả đề nghị cách phân loại theo phương thức hình thái và xác định nghĩa thích hợp cho từng loại.

Nicolas Landry, dựa vào các nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học Việt Nam như Hoàng Tuệ, Hoàng Minh, Cao Xuân Hạo, v.v. và ngữ liệu trích từ một số truyện

ngắn, chứng minh mối quan hệ giữa cấu trúc cú pháp và cấu trúc vần điệu của phát ngôn. Tuy vậy, tác giả tự nhận cần phải nghiên cứu thêm về sự nhấn giọng trong tiếng Việt với nhiều cứ liệu khác nữa thuộc khẩu ngữ.

Đáng chú ý là bài *Về cực cấp trong tiếng Việt* của Marina PREVOT. Lý do để tác giả khảo cứu vấn đề này là: "Các tác phẩm về ngữ pháp hoặc cú pháp tiếng Việt chỉ đề cập đến đề tài này một cách vắn tắt và tản mạn, trong khi đó trong tiếng Việt có rất nhiều cách thức diễn đạt khác nhau". Trước hết tác giả nhắc lại sự khác biệt cơ bản về từ loại tính từ (adjectif) giữa tiếng Việt và tiếng Pháp cũng như với phần lớn các ngôn ngữ Ấn Âu, đó là tính từ trong tiếng Việt còn có khả năng đóng vai trò vị ngữ như một động từ, và vì vậy tác giả gọi tính từ tiếng Việt là "vị từ chỉ tính chất" (verbe de qualité, viết tắt là Vq).

1/ Rất / lắm.

Cũng dùng để chỉ mức độ nhưng *rất* đứng trước còn *lắm* đứng sau Vq.

Vd: - Quyển sách *rất* cũ. Cô ấy đẹp *lắm*, cô ấy *rất* đẹp.

Riêng cách nói *rất đỗi*, *rất mực* có một ví dụ hơi gượng ép "Nó nóng nảy *rất mực* = nó *rất mực* nóng nảy".

2/ Thật / quá.

Hai từ này chỉ giá trị tăng dần, rất thông dụng

Vd: Hôm nay trời *thật* nóng. Kết hợp với hệ từ *là* để diễn đạt ý cảm thán: hôm nay trời *thật là* đẹp.

Quá có thể đứng trước hoặc sau Vq. Khi đứng trước Vq, *quá* thường có nghĩa biểu cảm nhiều hơn.

Vd: tôi mệt *quá*, tôi *quá* mệt. *Quá* có thể mở rộng bằng cách kết hợp như *quá chừng*, *quá đỗi*, *quá trời*, *quá sá*, *quá thể*, v.v.

Vd: phòng hội *quá chừng*, bánh ngon *quá đỗi*, bài khó *quá trời*, ớt cay *quá sá*, nó chậm *quá thể*...

Tuy nhiên trong một số trường hợp hai từ *thật*, *rất* không thể thay thế cho nhau.

- Tôi yêu cầu anh ấy đến *thật* sớm / *Tôi yêu cầu anh ấy đến *rất* sớm.

- Muốn thi đậu thì phải cố học cho *thật* giỏi / * Muốn thi đậu thì phải cố học cho *rất* giỏi.

- Lấy một cái bình *thật* lớn mới cắm được hết hoa / * Lấy một cái bình *rất* lớn mới cắm được hết hoa.

3/ Từ và cụm từ chỉ mức độ cực cấp.

+ Đứng trước Vq: những từ như *cả, chí, cực, tối*...

Vd: Chồng chị ấy *cả* ghen, người bạn *chí* thân, món ăn *cực* ngon, việc *tối* cần.

+ Đứng trước hoặc sau Vq: *cực kỳ, hết mực, hết sức, tuyệt*...

Vd: nhiệm vụ quan trọng *cực kỳ* = nhiệm vụ *cực kỳ* quan trọng; cô ấy đẹp *hết sức* = cô ấy *hết sức* đẹp; bài hát hay *tuyệt* = bài hát *tuyệt* hay. Tuy nhiên *tuyệt vời* luôn luôn đứng sau Vq: trời đẹp *tuyệt vời*.

+ Đứng sau Vq: gồm các từ như *chán, chết, dữ, tợn, dữ tợn, đáo để, gần chết, ghê, gớm, ghê gớm, hết chỗ nói, hung, tệ, thấy bà, thấy cha, thấy mồ, thấy mụ nội, vô cùng*...

Vd: bây giờ còn sớm *chán*; ở đây sướng *chết*; trời rét *tợn*; nó lo *đáo để*; cô ấy đẹp *ghê*; món ăn ngon *ghê gớm*; mừng *hết chỗ nói*; con bé xinh *tệ*; núi cao *thấy bà*; cô ấy đẹp *thấy mồ*; bài khó *thấy mụ nội*; họ giàu *vô cùng*...

4/ Dùng so sánh.

Dùng *như* để so sánh giống như tiếng Pháp: *chậm như rùa, vững như đồng, cứng như đá, đẹp như tiên, xấu như ma, dai như đỉa, hiền như bụt, ngu như bò*... có hoặc không có *như: lặng (như) tờ, giống (như) in*...*tròn vo, ngay cán tàn, đen thui*...

5/ Dùng từ láy nghĩa tăng dần.

Sau khi phân tích mối quan hệ cách thành lập và biến đổi nghĩa của từ láy, tác giả phân chia Vq nghĩa tăng dần theo đơn âm tiết và đa âm tiết:

- Vq đơn âm tiết có nghĩa tăng dần: có láy đơn.

Vd: *sệt* > *sệt sệt, cứng* > *cứng cựng*... và láy phức. Vd: *cứng cừng cựng, cứng cựng cừng cưng*...

- Vq đa âm tiết có nghĩa tăng dần được chia thành nhiều tiểu loại.

• Láy theo từng khối có thay đổi thanh.

Vd: *bối rối* > *bối rối bồi rồi; bầy nhầy* > *bầy nhầy bầy nhầy, bấy nhấy bẫy nhẫy bầy nhầy*, thậm chí: *bây nhây bầy nhầy bậy nhậy bấy nhấy bẫy nhẫy bầy nhầy*...

• Láy theo từng khối có thay đổi vần và thanh.

Vd: *lành chanh* > *lành chanh lành chói; bộc tuệch* > *bộc tuệch bộc toạc*...

• Láy chen theo kiểu ab > aa bb.

Vd: *lầm lì > lầm lầm lì lì, ù cạc > ù ù cạc cạc…*

• Láy chen theo kiểu ab > a a' b b'.

Vd: *nhớp nhúa > nhớp nhợp nhúa nhựa, lem luốc > lem nhem luốc nhuốc…*

• Láy chen theo kiểu ab > ab cd.

Vd: *bơ ngơ > bơ ngơ báo ngáo, lăng nhăng > lăng nhăng lít nhít, lôi thôi > lôi thôi lốc thốc…*

6/ Từ láy cường điệu với vần a hoặc ơ.

Loại từ láy này chỉ liên quan đến những Vq song tiết:

- Vq song tiết có cùng âm đầu. Vd: *hớt hải > hớt ha hớt hải, hớt hơ hớt hải; nhí nhảnh > nhí nha nhí nhảnh…*
- Vq song tiết có cùng vần. Vd: *bầy nhầy > bầy nhà bầy nhầy; lẩm cẩm > lẩm cà lẩm cẩm..*

7/ Thêm âm tiết không có nghĩa.

Vd: *lem luốc > bù lem bù luốc; khẳng khiu > cà khẳng cà khiu…*

8/ Kết hợp Vq cùng nghĩa: có hai trường hợp

- Vq + danh từ (Vq + N) > (Vq+N + Vq + N'),

Vd: *cứng đầu + cứng cổ > cứng đầu cứng cổ; nóng gan + nóng ruột > nóng gan nóng ruột*

- Vq + vị từ hành động (Vq + Va) > (Vq+Va+Vq+Va'), trong đó a' gần nghĩa với a.

Vd: *dễ dạy + dễ bảo > dễ dạy dễ bảo; hiếm thấy + hiếm gặp > hiếm thấy hiếm gặp…*

9/ Thêm vào Vq một bổ ngữ miêu tả (Cd): có hai trường hợp:

- Cd là một từ có thể dùng độc lập diễn đạt cùng tính chất với Vq nhưng nghĩa mạnh hơn, vd: *rộng > rộng mênh mông, khô > khô ráo…* hoặc diễn đạt kết quả của Vq, vd: *đầy > đầy tràn, khô > khô queo…*

- Cd là một từ không dùng độc lập có thể gắn với một Vq cụ thể nào đó, vd: *đắng nghét, cụt ngủn, sáng trưng, sâu hoáy, vàng khè…* hoặc có thể sử dụng với nhiều Vq khác nhau như các từ *cáy* (*xấu cáy > xấu cay xấu cáy*), *chằng* (*đắng chằng > đắng chằng đắng chặng*), *hoắc* (*dở hoắc > dở hoăng dở hoắc*), *lét* (*chua lét > chua lòm chua lét*), *ngắt* (*cứng ngắt > cứng ngăn cứng ngắt*), *mèm* (*ướt*

mèm > ướt mèm ướt mẻm), *nhách* (*láng nhách > láng nhanh láng nhách*), *ngòm* (*đen ngòm > đen ngõm đen ngòm*), *ợt* (*dễ ợt > dễ òn dễ ợt*), *rích* (*cũ rích > cũ rích cũ rịch*), *rượi* (*buồn rượi > buồn rươi buồn rượi*), *sì* (*cũ sì > cũ sì cũ sịt*), *tanh* (*buồn tanh > buồn tảnh buồn tanh*), *xịt* (*ít xịt > ít xìn ít xịt*)...

Tác giả có nhận xét là phần lớn các bổ ngữ miêu tả nêu trên, vốn không có nghĩa thực riêng, nhưng lại làm cho Vq có thêm hàm ý tinh tế hơn.

10/ Cực cấp tương đối (le superlatif relatif): dùng các từ *nhất*, *hơn hết*, *hơn cả*

Vd: - Lấy con dao bén *nhất* mà cắt, Bức tranh này là bức tranh đẹp *hơn hết*, Trong lớp, bé Lan là bé giỏi *hơn cả*.

Ngoài ra tác giả cũng đề cập đến một cách nói mới *hơi bị* xuất hiện những năm gần đây nhất là trong giới trẻ.

Vd: Chà, hôm nay cậu mang đôi giày *hơi bị* đẹp.

Để kết luận, tác giả cho rằng các phương thức ngữ pháp tạo ra cách so sánh trong tiếng Việt quả là rất đa dạng, phong phú, mang tính hình tượng cao, có sức miêu tả và gợi cảm mạnh mẽ trong mọi phong cách sử dụng ngôn từ.